

Hà nội, ngày 16 tháng 4 năm 2013

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Tên tổ chức phát hành: *Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà*

Tên tiếng Anh : SONG DA CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính : *Nhà G9 - Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Hà Nội*

Điện thoại : 043.8542209

Fax : 043.854.5855

Mã chứng khoán : SDC

Vốn điều lệ: 26.097.100.000đ

Giấy phép đăng ký kinh doanh : 01001 05454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 19/9/2012

Mã số thuế : 01 001 054 54.

### I - LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1 - Những sự kiện quan trọng

Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà tiền thân là Xí nghiệp Thiết kế Sông Đà thành lập năm 1975. Sau nhiều lần đổi tên cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ và được đổi thành Công ty Tư vấn xây dựng Sông Đà (năm 2001) trên cơ sở hợp nhất các đơn vị: Công ty Tư vấn và khảo sát thiết kế; Công ty thiết kế tự động hóa CODEMA; Trung tâm Thí nghiệm Miền Bắc; Trung tâm Thí nghiệm Miền Nam; Phòng Tư vấn giám sát chất lượng thuộc Tổng công ty Sông Đà nay là Tập đoàn xây dựng công nghiệp Việt Nam.

Đến cuối năm 2004 Công ty đã tiến hành thực hiện cổ phần hóa và được đổi tên thành Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà theo quyết định số 1680/QĐ - BXD ngày 28/10/2004 và Quyết định số 57/QĐ- BXD ngày 14/1/2005 về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước là Công ty Tư vấn XD Sông Đà thành công ty cổ phần. Được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01001 05454 cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 19/9/2012

Đến nay, với 37 năm xây dựng và trưởng thành, là công ty mũi nhọn trực thuộc Tổng công ty Sông Đà. Công ty tổng số có 518 CBNV trong đó có 290 cán bộ có trình độ đại học 10 cán bộ trên đại học có 218 công nhân trong đó có 182 công nhân lành nghề và có kỹ thuật cao trong việc khảo sát, đo đạc các công trình có địa hình phức tạp, hiểm trở, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn thiết kế các công trình thủy điện lớn như: Hòa Bình, Yaly, Sê san 3, Vĩnh Sơn, Sông Hinh, Xe ka man3, Xe ka man1, Xe ka man 4, Tuyên Quang, Sơn La, Nậm Chiến, Sứ Pán 2, Bình Điền, ĐăkĐrinh, Nậm He .Nậm mức; Se công 3; Se san 3A; Lai Châu; Bản Chất v.v. và các nhà máy công nghiệp như xi măng Tuyên Quang, xi măng Hạ long, xi măng Bút Sơn, xi măng Yaly, nhà máy thép Việt Ý,

hầm đường bộ qua đèo Hải Vân .v.v. và nhiều công trình có tầm cỡ quốc gia và quốc tế khác.

Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 chứng chỉ đã được cấp vào tháng 6 năm 2002 cấp lần hai vào 15/01/2013

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ công nhân viên trong công ty, trong quá trình xây dựng và trưởng thành Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà đã được tặng thưởng rất nhiều huân chương, bằng khen của Chính phủ, Bộ xây dựng như:

- Huân chương Lao động hạng 3: Lần 1 năm 1989 đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng thủy điện Hòa Bình; lần 2 năm 2005 đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1999 - 2003 góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH .

- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2002 tặng cho đơn vị có thành tích trong việc xây dựng thủy điện Yaly.

- Cờ thi đua của Bộ xây dựng tặng: Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng các năm 2000; 2001; 2002; 2003; 2005; 2006; 2007; 2009; 2010; 2011

- Bộ trưởng Bộ xây dựng tặng bằng chứng nhận đơn vị tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của CBNV Ngành xây dựng năm 2004

- Bộ Giao thông vận tải tặng cờ thi đua cho đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua “4 nhất “ xây dựng đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 (2000-2004)

- Tổng công ty Sông Đà tặng cờ thi đua cho Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD năm 2001; 2002; 2003; 2004; 2005; 2006; 2007, 2008 và Tặng cờ thi đua là đơn vị có thu nhập cao nhất trong TCT các năm 2004; 2005; 2006; 2007; 2008; 2009; 2010.

- Tháng 11 năm 2006 Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà thực hiện niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: SDC

- Vốn điều lệ đến thời điểm 31/12/2012: 26.097.100.000đ ( Hai mươi sáu tỷ, không trăm chín bảy triệu, một trăm ngàn đồng )

*Trong đó:* Vốn Nhà nước: 13.309.521.000đ (Mười ba tỷ, ba trăm lẻ chín triệu năm trăm hai một ngàn đồng)

Vốn các cổ đông khác 12.787.579.000đ (Mười hai tỷ, bảy trăm tám bảy triệu, năm trăm bảy chín ngàn đồng )

## **2- Quá trình phát triển công ty:**

Ngành nghề kinh doanh:

*Lĩnh vực thiết kế xây dựng :*

- Thiết kế các công trình thủy công, thủy điện, thủy lợi, nhà máy thủy điện; các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; kỹ thuật hạ tầng đô thị; công trình cấp, thoát nước; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ; thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ ;

- Thiết kế điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp .

- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị .

- Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A ;

*Lĩnh vực khảo sát xây dựng :*

- Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn các công trình;
- Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố các công trình xây dựng, khoan phun và sử lý nền móng các công trình xây dựng.
- Khoan nổ ngầm và hở các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.

*Lĩnh vực thí nghiệm :*

- Thí nghiệm để các định các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, nền móng và vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng.

*Lĩnh vực Tư vấn giám sát xây dựng:*

- Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.

*Lĩnh vực Tư vấn lập dự án đầu tư và kinh doanh :*

- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, các công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, các công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp tới cấp điện áp đến 500 KV.
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán: lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A.

## **II - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm 2012 là một năm vẫn còn nhiều khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn xây dựng nói riêng. Đó là hệ quả của một loạt những khó khăn gặp phải, từ việc ảnh hưởng của chính sách thắt chặt tiền tệ, vay ngân hàng khó khăn, đến những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và kinh tế toàn cầu. Điều này đã tác động đến mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty. Công tác nghiệm thu, thanh toán gặp nhiều trở ngại do Chủ đầu tư khó thu xếp vốn cho Dự án. Chi phí đầu vào tăng cao nhưng giá dịch vụ tư vấn xây dựng bị cạnh tranh gay gắt trong việc tìm kiếm việc làm. Đây thực sự là một áp lực cho Công ty trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2012 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và các năm tiếp theo.

Song được sự quan tâm, chỉ đạo của Tổng công ty Sông Đà, đặc biệt là sự cố gắng của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong công ty đã khắc phục vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành tương đối tốt các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2012 đã đề ra.

## Thực hiện kế hoạch năm 2012:

Số TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012		
			Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH SXKD</b>				
<b>I</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>129.300</b>	<b>113.515</b>	<b>88%</b>
	<b>Trong đó:</b>				
	- Giá trị khảo sát	10 <sup>6</sup> đ	19.000	52.528	276%
	- Giá trị tư vấn thiết kế	10 <sup>6</sup> đ	49.481	18.983	38%
	- Giá trị tư vấn giám sát	10 <sup>6</sup> đ	17.616	8.408	48%
	- Giá trị thí nghiệm	10 <sup>6</sup> đ	32.000	32.728	102%
	- Giá trị tư vấn khác	10 <sup>6</sup> đ	11.203	868	8%
<b>II</b>	<b>LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG</b>				
1	Tổng số lao động bình quân	Người	730	591	81%
2	Thu nhập bình quân lao động	10 <sup>6</sup> đ	6,89	6,3	93%
<b>III</b>	<b>DOANH THU BÁN HÀNG</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>113.460</b>	<b>103.290</b>	<b>91%</b>
<b>IV</b>	<b>THU TIỀN VỀ TÀI KHOẢN</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>120.000</b>	<b>77.544</b>	<b>65%</b>
<b>V</b>	<b>NỘP NGÂN SÁCH</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>14.103</b>	<b>10.267</b>	<b>72,8%</b>
<b>VI</b>	<b>LỢI NHUẬN</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>8.461</b>	<b>6.543</b>	<b>77%</b>
	- Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	9,0	6,34	71%
<b>B</b>	<b>GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>16.107</b>	<b>1.321</b>	<b>8%</b>
	Đầu tư nâng cao năng lực	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	16.107	1.321	8%

- Giám sát việc giao và kiểm điểm thực hiện kế hoạch SXKD năm, kế hoạch SXKD quý; tháng của các đơn vị trực thuộc trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2012 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tiếp tục thực hiện thủ tục pháp lý để thực hiện đầu tư Dự án tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Thực hiện đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác thiết kế, thí nghiệm, khảo sát đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

- Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã lập chương trình công tác hàng quý, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị triển khai thực hiện.

- Hàng quý, Hội đồng quản trị đều họp để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD trong kỳ và thông qua kế hoạch SXKD của kỳ tiếp theo .

- Hội đồng quản trị chỉ đạo hoạt động Công ty thông qua Nghị quyết các cuộc họp, Nghị quyết và quyết định quản lý. Các ý kiến, kiến nghị của Ban giám đốc điều hành đều được Hội đồng quản trị xem xét kỹ lưỡng và quyết định kịp thời phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:
- Theo dõi và nắm bắt quá trình hoạt động của Công ty một cách trực tiếp hoặc thông qua báo cáo của Ban giám đốc điều hành.
- Tham dự và có tham gia ý kiến trong cuộc họp giao ban hàng tuần hoặc các cuộc của chuyên đề của Ban lãnh đạo Công ty.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý với Ban giám đốc điều hành về một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã ban hành 20 Nghị quyết, 20 Quyết định phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo quản lý mọi mặt các hoạt động kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, khoa học trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật Nhà nước và phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT thực hiện đúng trình tự và thủ tục của luật định, đảm bảo dân chủ, phát huy được trí tuệ tập thể .

Trên cơ sở định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh đến năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012, Công ty đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 với các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

- Tổng giá trị sản lượng:	95,045 tỷ đồng
- Doanh thu:	91,301 tỷ đồng
- Nợ ngân sách:	12,214 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân người/ tháng:	6,385 tr đồng
- Lợi nhuận:	4,086 tỷ đồng
- Đầu tư:	01 tỷ đồng

#### **Các biện pháp thực hiện:**

##### **+ *Biện pháp tổ chức , sản xuất:***

- Áp dụng triệt để các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.
- Xây dựng phương án chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất của Chi nhánh- Xí nghiệp Khảo sát xây dựng, Chi nhánh- Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà sang công ty cổ phần.
- Chỉ đạo điều hành đẩy mạnh công tác tư vấn tại một số công trình trọng điểm như thủy điện Lai Châu, Đồng Nai 5 , Bản Chát. Đảm bảo tiến độ trong hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư.
- Tập trung đẩy mạnh công tác sản xuất các ngành nghề như: Tư vấn giám sát, thiết kế dân dụng, công nghiệp.

- Liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để đào tạo các cán bộ kỹ thuật cũng như cán bộ quản lý của Công ty.
- Tuyển dụng, đào tạo cán bộ có trình độ chuyên môn cao cho các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc để đảm bảo đủ lực lượng phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Duy trì thường xuyên công tác kiểm điểm báo cáo hàng tuần của từng đơn vị để kiểm điểm thực hiện kế hoạch, để ban lãnh đạo Công ty có những biện pháp chỉ đạo kịp thời xử lý những vướng mắc trong quá trình SXKD tại các công trình trọng điểm.
- Ưu tiên đầu tư bổ sung nhân lực, thiết bị máy móc tại các công trình trọng điểm nhằm đảm bảo tiến độ thiết kế các công trình.
- Thực hiện tốt công tác quản lý vốn đầu tư và quyết toán vốn đầu tư.

**+ Biện pháp kinh tế, tài chính.**

- Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, thu hồi công nợ trong giai đoạn đất nước khó khăn về thất chặt tiền tệ, kìm chế lạm phát.
- Tiếp tục triển khai áp dụng quy chế trả lương mới của Công ty và các đơn vị trực thuộc nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên hăng hái tham gia lao động sản xuất, một mặt thu hút các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm công tác vào làm việc tại Công ty. Đồng thời xem xét hiệu chỉnh khi cần thiết cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục hiệu chỉnh định mức đơn giá nội bộ cho phù hợp.
- Áp dụng quy chế tìm kiếm việc làm trong toàn Công ty nhằm khuyến khích sự đóng góp của toàn thể cán bộ công nhân viên vào quá trình phát triển của Công ty, tăng cường các cơ hội tìm kiếm việc làm bên ngoài Tổng công ty Sông Đà trong các lĩnh vực tư vấn xây dựng các công trình thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật và giao thông.
- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư, các cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế giao nhận thầu, phê duyệt dự toán chi phí tư vấn để có cơ sở ký kết và thực hiện hợp đồng bên cạnh đó tích cực chỉ đạo đôn đốc các đơn vị trực thuộc chủ động tiến hành nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán khối lượng công việc hoàn thành, gắn trách nhiệm, quyền lợi của Lãnh đạo đơn vị trực thuộc trong công tác thu hồi vốn với việc xét đánh giá kết quả công tác của cán bộ hàng tháng.
- Tiếp tục triển khai việc giao khoán chi phí giá thành theo sản lượng thực hiện và doanh thu của từng đơn vị để nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, tăng tính chủ động cho các đơn vị.
- Tập trung giải quyết kịp thời các vấn đề về tài chính và vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục nghiên cứu liên doanh, liên kết, hợp tác với các Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn để xây dựng nhiều kênh thu hút vốn và hợp tác đầu tư đối với các dự án của Công ty.

### III - BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngay từ đầu năm 2012 với mục tiêu tiếp tục ưu tiên tìm kiếm cơ hội phát triển, ổn định kinh tế vĩ mô, Chính phủ đã và đang áp dụng các chính sách tiền tệ chặt chẽ, chính sách tài khóa thắt chặt hơn nữa. Do đó, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện mở rộng thị trường và tìm kiếm công việc của Công ty. Mặt khác hệ quả của một loạt những khó khăn gặp phải, từ việc ảnh hưởng của chính sách thắt chặt tiền tệ, lãi suất vay có thấp hơn nhưng việc vay vốn lại gặp nhiều khó khăn. Những yếu tố bất lợi trên đã và đang tác động mạnh đến mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

+ Do chủ đầu tư không thu xếp được vốn giải ngân theo tiến độ dự án nên công tác nghiệm thu thanh toán gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến giá trị dở dang, công nợ lớn, chi phí tài chính năm 2012 tăng cao.

+ Công ty phải cạnh tranh gay gắt về giá tư vấn xây dựng với các đơn vị tư vấn khác. Đặc biệt là trong khi đơn giá khảo sát, thí nghiệm, thiết kế không được điều chỉnh thì giá các chi phí đầu vào như giá nhiên liệu, vật tư, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác khảo sát, thí nghiệm và các phần mềm tính toán cần thiết cho công tác tư vấn đều tăng cao hơn so với các năm trước. Đây sẽ là một áp lực lớn của Công ty trong việc đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trong năm 2012 và các năm tiếp theo.

#### A - Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
<b>1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>		
<b>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	17,70%	17,69%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	82,29%	82,79%
<b>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	74,06%	74,56%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	25,94%	25,44%
<b>2 Khả năng thanh toán</b>		
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,35	1,34
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,15	1,12
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,07	0,03
<b>3 Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	6,71%	6,34%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	5,11%	4,15%
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	3,90%	3,36%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	2,97%	2,20%

**B - Kết quả hoạt động kinh doanh:** Trong điều kiện hết sức khó khăn về kinh tế, bên cạnh việc xác định năm 2012 là năm thứ hai của kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011-:2015 được sự ủng hộ của Quý vị cổ đông, cùng sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và sự nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi của tập thể cán bộ, công nhân viên. Tất cả đã đoàn kết, thống nhất với quyết tâm cao, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo việc làm cho CBCNV Tuy nhiên chưa đạt được 100% kế hoạch năm mà chỉ cơ bản hoàn thành một số nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2012 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã đề ra. Cụ thể như sau:

**1. Tổng giá trị SXKD thực hiện 113,515 tỷ đồng/KH là 129,3 tỷ đồng đạt 88% kế hoạch năm.**

Trong năm 2012, Công ty đã đảm bảo tiến độ và chất lượng của công tác tư vấn đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư đồng thwoif góp phần hoàn thành các mục tiêu tiến độ tại các công trình trọng điểm như: Khởi công, ngăn sông công trình thủy điện Đông Nai 5, chống lũ thủy điện Lai Châu, phát điện nhà máy thủy điện Nậm Chiến và đặc biệt là khánh thành nhà máy thủy điện Sơn La... Tuy nhiên việc chủ đầu tư chậm triển khai công tác khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế, tư vấn giám sát và thí nghiệm một số công trình lớn như: Thủy điện Se Koong 3, thủy điện Xekaman4, thủy điện Bảo lâm, thủy điện Sập Việt.... đã khiến cho tổng giá trị SXKD năm 2012 của công ty không đạt kế hoạch.

**2. Tổng doanh thu thực hiện 103,291 tỷ đồng/KH là 113,5 tỷ đồng đạt 91% kế hoạch năm.**

Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng bởi công tác chuẩn bị về nguồn vốn, thủ tục đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế của các Chủ đầu tư nên việc thực hiện công tác nghiệm thu thanh toán cũng chậm so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên trong năm Công ty đã tập trung đẩy mạnh nghiệm thu thanh toán đối với phần sản lượng mới thực hiện (đây là năm thứ 2 liên tiếp sản lượng làm ra đến đâu thu hồi đến đấy) và một số công trình có giá trị lớn như: công trình thủy điện Lai Châu giá trị là 40 tỷ đồng, thủy điện Nậm Chiến giá trị là 4,7 tỷ đồng, thủy điện Đakđrinh giá trị là 4,5 tỷ đồng, thủy điện Bản Chát giá trị là 4 tỷ đồng, thủy điện Xekaman 3 giá trị là 3,8 tỷ đồng, thủy điện Đông Nai 5 giá trị là 2,1 tỷ đồng, ... làm tăng hiệu quả thu hồi vốn và giảm sản lượng dở dang.

Trong năm 2012, toàn Công ty ước thu hồi được 77,5 tỷ đồng công nợ bằng 65% kế hoạch năm. Một số công trình có giá trị lớn như: CTTĐ Lai Châu giá trị là 41 tỷ đồng, CTTĐ Xekaman 3 giá trị là 7 tỷ đồng, CTTĐ Đakđrinh giá trị là 6,9 tỷ đồng, CTTĐ Bản Chát giá trị là 5,2 tỷ đồng, CTTĐ Sê Kông 3 giá trị là 2,9 tỷ đồng, CTTĐ Bản Vẽ giá trị là 1,7 tỷ đồng và một số công trình có công nợ đã tồn tại lâu ngày như CTTĐ Pleikrông, CTTĐ Bình Điền, CTTĐ Bảo Lâm...

Giá trị công nợ và dở dang của Công ty vẫn còn rất lớn, tính đến 31/12/2012 đạt 170,2 tỷ đồng, trong đó sản lượng dở dang là 71,1 tỷ đồng, phải thu theo sản lượng là 99,1 tỷ đồng.

**3. Tổng giá trị nộp ngân sách thực hiện 16,7 tỷ đồng/KH là 14,1 tỷ đồng đạt 119% kế hoạch năm.**



**4. Giá trị lợi nhuận thực hiện: 6,5 tỷ đồng/KH là 8,5 tỷ đồng đạt 77% kế hoạch năm.**

Trong năm 2012 và đặc biệt là trong Quý III và quý IV Công ty đã tiếp tục đẩy mạnh thu vốn và áp dụng mọi biện pháp để tiết kiệm chi phí tuy nhiên với những khó khăn như đã nói ở trên đặc biệt là doanh thu ước thực hiện chỉ đạt 91% kế hoạch đề ra, cộng với sự cạnh tranh gay gắt với các đơn vị tư vấn trong, ngoài ngành, các tổ chức tư vấn quốc tế đã khiến Công ty phải giảm giá Hợp đồng rất nhiều mới có thể tìm kiếm được công việc. Trong khi đó các khoản phải thu của khách hàng còn quá lớn, Công ty phải vay ngân hàng 8,1 tỷ đồng để đảm bảo sản xuất kinh doanh và trả lương người lao động dẫn đến làm chi phí nhân công, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tiếp thị đấu thầu, chi phí lãi vay tăng cao (riêng chi phí này đã làm lợi nhuận của Công ty ước giảm 1,8 tỷ đồng), kéo theo đó là những khó khăn trong việc cân đối tài chính và triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty nên tổng giá trị lợi nhuận Công ty chỉ đạt: **6,5 tỷ đồng bằng 77% kế hoạch năm.**

Tuy nhiên đây cũng là một kết quả tốt trong nỗ lực cắt giảm chi phí, đảm bảo đời sống của người lao động. Mặt khác đa số khách hàng nợ của Công ty vẫn là các doanh nghiệp Nhà nước nên rủi ro không thu hồi được vốn là thấp. Trong năm 2013, Công ty sẽ tập trung thu hồi vốn để đạt được hiệu quả hơn nữa.

**5. Giá trị đầu tư thực hiện: 1,3 tỷ đồng/ kế hoạch là 16,1 tỷ đồng đạt 8% kế hoạch năm.**

Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để xin cấp giấy chứng nhận đầu tư và bước đầu triển khai thiết kế bản vẽ thi công phân hạ tầng tại Dự án khu nhà ở kết hợp văn phòng Khu công nghệ cao Hoà Lạc.

Trong năm 2012 Công ty đã tiến hành đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh với giá trị đạt là **1,321 tỷ đồng** trong đó:

- Đầu tư thiết bị tin học phục vụ công tác thiết kế: 75,8 triệu đồng.
- Đầu tư thiết bị phục vụ công tác khảo sát: 811,3 triệu đồng.
- Đầu tư thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm : 433,5 triệu đồng

Nguyên nhân thực hiện đầu tư chỉ đạt 8% kế hoạch chủ yếu là do: tại dự án Khu công nghệ cao Hoà Lạc tiến độ cấp giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc chậm so với kế hoạch đề ra, bên cạnh đó việc huy động vốn để thực hiện công tác đầu tư trong năm 2012 cũng gặp rất nhiều khó khăn.

**6. Đánh giá các thuận lợi và khó khăn trong năm 2012**

\* Thuận lợi:

- Việc thực hiện tương đối hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2012 trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều khó khăn thách thức có một ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo sự tự tin cho Công ty bước vào thực hiện kế hoạch SXKD trong năm 2013 này.

- Sự chỉ đạo điều hành quản lý cẩn trọng, nhạy bén, cụ thể của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng với sự đồng thuận chia sẻ hợp tác, quyết tâm cao của đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân viên trong Công ty.
- Sự tạo điều kiện thuận lợi của các Lãnh đạo Tổng công ty Sông Đà - Chủ sở hữu nhà nước nắm cổ phần chi phối. Mặt khác, Tổng công ty Sông Đà đang thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp theo kế hoạch của Chính phủ đây sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp thành viên phát triển và nâng cao vị thế của mình.
- Đội ngũ cán bộ của Công ty đã từng bước trưởng thành trong quá trình thực hiện công tác tư vấn tại các công trình trọng điểm.
- Chính sách pháp luật của Nhà nước về kinh tế dân hoàn thiện, tạo ra hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường. Đặc biệt là lãi suất cho vay đang được Chính Phủ và Ngân hàng nhà nước kiểm soát và từng bước hạ lãi suất đồng thời tăng trưởng tín dụng được dự báo ở mức 15-17%.

\* **Khó khăn**

- Năm 2012, với mục tiêu tiếp tục ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý Chính phủ sẽ áp dụng các chính sách tiền tệ chặt chẽ, chính sách tài khoá thật chặt hơn nữa. Do đó, vẫn còn có nhiều khó khăn, trở ngại nhất định trong việc tìm kiếm công việc và triển khai các dự án đầu tư của Công ty. Đặc biệt là việc thu xếp nguồn vốn để đầu tư vào Dự án khu nhà ở kết hợp văn phòng khu công nghệ cao Hòa Lạc.
- Tiềm năng về thị trường của các dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng phát triển thủy điện - lĩnh vực hoạt động truyền thống của Công ty đang dần bị thu hẹp.
- Công ty phải cạnh tranh gay gắt với các đơn vị tư vấn trong, ngoài ngành, các tổ chức tư vấn quốc tế có thương hiệu và uy tín về giá tư vấn xây dựng để có thể tìm kiếm được công việc.
- Việc nghiệm thu thanh toán công tác tư vấn thiết kế, khảo sát và thí nghiệm gặp rất nhiều khó khăn do chủ đầu tư khó khăn trong việc thu xếp được vốn cho dự án. Cụ thể công tác nghiệm thu thanh toán thường bị chậm và tỷ lệ thanh toán thấp do sự chậm trễ trong công tác phê duyệt thiết kế và dự toán thi công chi tiết của Chủ đầu tư.
- Những thách thức về phát triển, nâng cao nguồn nhân lực của Công ty về lực lượng cán bộ quản lý, chuyên gia kỹ thuật chuyên sâu, cán bộ lành nghề chưa thể giải quyết trong một thời gian ngắn, trong khi hiện tượng “chảy máu chất xám” trong lĩnh vực tư vấn đã diễn ra.

**7. Mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2013**

Trên cơ sở các phân tích, đánh giá, dự báo xu thế thị trường trong năm 2013, chiến lược phát triển của Tổng công ty Sông Đà, các nguồn lực thực tế của Công ty và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012. Ban Lãnh đạo Công ty đã xác định để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 cần thiết phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thứ nhất, tích cực chỉ đạo đôn đốc các đơn vị trực thuộc chủ động tiến hành nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán khối lượng công việc hoàn thành. Đẩy nhanh công tác thu hồi vốn và công nợ tại các công trình trọng điểm, giải quyết dứt điểm các khoản nợ tồn đọng lâu ngày.
- Thứ hai, cơ cấu lại ngành nghề, thoái vốn ở những công ty liên danh không hiệu quả, tổ chức và nguồn lực của Công ty.
- Thứ ba, các cơ chế, chính sách quản lý phải được điều chỉnh phù hợp.
- Thứ tư, đưa ra các giải pháp đột phá để tạo việc làm cho người lao động.

#### **8. Cơ cấu ngành nghề trong giá trị SXKD năm 2013**

- Giá trị tư vấn xây dựng ước đạt 95,045 tỷ đồng
  - + Giá trị tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế ước đạt 60,864 tỷ đồng
  - + Giá trị tư vấn quản lý dự án ước đạt 10,131 tỷ đồng chiếm
  - + Giá trị tư vấn kiểm tra vật liệu, đánh giá chất lượng công trình ước đạt 24,05 tỷ đồng;

#### **9. Các giải pháp thực hiện**

- Nâng cao năng lực quản lý, trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp thông qua các lớp học bồi dưỡng trong nước. Tích cực triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chủ nhiệm đồ án, chủ trì bộ môn, nhất là đối với đội ngũ cán bộ kỹ thuật trẻ có năng lực thông qua các hình thức: làm việc và học tập ở nước ngoài.
- Chú trọng giáo dục ý thức, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, đảm bảo cho Công ty có một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, tâm huyết với công việc, gắn bó với Công ty.
- Tạo môi trường làm việc thuận lợi, hấp dẫn tại Công ty thông qua việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, cơ chế đào tạo, an toàn lao động cho người lao động và thiết bị xe máy, v.v... Đa dạng hóa các hình thức khen thưởng, xây dựng cơ chế thưởng hợp lý đặc biệt chú trọng đến các đối tượng là chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế và các cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, hiệu quả nhằm động viên, khuyến khích CBCNV nhiệt tình công tác và tăng năng suất lao động.
- Xây dựng và hoàn chỉnh Đề án “Tái cấu trúc và nâng cao quản trị Công ty giai đoạn 2013 -:- 2015, tầm nhìn đến 2020” phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty và tình hình thực tế của Công ty.
- Xây dựng tốt kế hoạch tài chính, khả năng phân tích tài chính, quản lý dòng tiền một cách linh hoạt và hiệu quả. Trong đó tập trung tăng cường quản lý hiệu quả nguồn vốn lưu động của Công ty, giảm chi phí tài chính nhằm tăng lợi nhuận của Công ty.
- Tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc và kiểm soát công nợ.
- Đẩy mạnh các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc vay và sử dụng vốn lưu động tại các đơn vị trực thuộc. Thực hiện các chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục nghiên cứu liên doanh, liên kết, hợp tác với các Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn, các tổ chức tín dụng (Ngân hàng, Công ty tài chính) để đa dạng hóa kênh thu hút vốn và hợp tác đầu tư đối với các dự án của Công ty.
- Tập trung lực lượng hoàn thành dứt điểm công tác tư vấn xây dựng tại các Dự án thủy điện đã ký hợp đồng với khách hàng trong đó chủ yếu là các Dự án của Tổng công ty Sông Đà: CTTĐ SêKông 3, Xekaman 3, XeKaman 4, Nậm Chiến, Sơn La, Hủa Na, Đồng Nai 5, Lai Châu và các Dự án khác như CTTĐ Đăkđrinh, Đak sin 1, ...
- Đẩy nhanh việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để phục vụ đầu tư các Dự án Công ty đã và đang triển khai như: Dự án khu nhà ở tại Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Dự án khu nhà hỗn hợp G9-G10, Dự án khu nhà ở của CBCNV tại Hoà Bình.
- Xây dựng phương án chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất của Xí nghiệp Khảo sát xây dựng và Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà.
- Rà soát lại hệ thống định mức, đơn giá nội bộ; hiệu chỉnh và hoàn thiện các quy chế quản lý để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Ban hành quy định mới về trách nhiệm của kỹ sư tư vấn thiết kế.
- Nâng cao chất lượng công tác quan hệ, quảng bá thương hiệu Công ty; đẩy mạnh giới thiệu, tiếp thị và tìm kiếm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng của Công ty. Chủ động tham gia đấu thầu tư vấn để tìm kiếm thêm việc làm, tập trung vào các lĩnh vực tư vấn xây dựng các Dự án dân dụng và công nghiệp, dự án thủy điện, tư vấn giám sát, khảo sát công trình.
- Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tiếp thị tìm kiếm các dự án với các Chủ đầu tư (trong năm 2012 Công ty đã thành lập tổ thị trường) để thực hiện SXKD năm 2013 trong đó tập trung vào các lĩnh vực tư vấn xây dựng các Dự án dân dụng và công nghiệp, dự án thủy điện, tư vấn giám sát, khảo sát công trình. Từ đầu năm 2013 Công ty đã tìm kiếm và trúng thầu một số Gói thầu tư vấn như: tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị - CTTĐ ĐakLô, lập dự án đầu tư - Dự án mở rộng dây chuyền nhà máy sản xuất ván sợi ép Gia Lai, kiểm định an toàn đập - CTTĐ Srok Phu Miêng. Bên cạnh đó là một số dự án khác đang hoàn thiện hồ sơ dự thầu như: tư vấn giám sát thi công xây dựng, giám sát lắp đặt thiết bị, thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, thẩm tra bản vẽ thiết bị công nghệ - CTTĐ Vĩnh Hà; tư vấn giám sát thi công xây dựng và giám sát lắp đặt thiết bị - Dự án Tòa nhà trung tâm điều hành sản xuất tại Quảng Ninh.
- Lập kế hoạch và làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để thực hiện việc vay vốn cho các dự án đầu tư, đồng thời theo dõi sát diễn biến của thị trường tài chính tiền tệ để ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro về tỷ giá, lãi suất đồng thời xác định thời điểm thực hiện phương án huy động vốn hiệu quả.

#### **IV - BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính năm 2012 của công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội kiểm toán sẽ thông qua Đại hội đồng cổ đông năm 2013.

##### **1 - Báo cáo tài chính công ty sau kiểm toán:**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012  
của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà*

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà được lập ngày 18 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 08 đến trang 30 của báo cáo này.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến:***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên:***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

*Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2013*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Ngọc Tĩnh**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số 0132/KTV*

**Lê Văn Dò**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số 0231/KTV*

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>161.369.929.119</b>	<b>155.992.262.604</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.348.877.612</b>	<b>9.321.322.900</b>
1	Tiền	111	V.01	4.348.877.612	9.321.322.900
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>118.807.786.835</b>	<b>112.473.387.276</b>
1	Phải thu khách hàng	131		108.794.765.828	108.155.607.963
2	Trả trước cho người bán	132		839.917.001	921.533.825
5	Các khoản phải thu khác	138	V.02	10.247.379.251	3.580.077.248
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.074.275.245)	(183.831.760)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>32.157.030.506</b>	<b>29.476.905.295</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.03	32.157.030.506	29.476.905.295
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.056.234.166</b>	<b>4.720.647.133</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		6.056.234.166	4.720.647.133
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>33.541.035.809</b>	<b>33.565.588.344</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.586.208.038</b>	<b>2.833.050.930</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	2.586.208.038	2.816.050.930
	- Nguyên giá	222		26.637.428.371	26.272.634.737
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24.051.220.333)	(23.456.583.807)
3	TSCĐ vô hình	227	V.05	0	0
	- Nguyên giá	228		473.457.150	473.457.150
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(473.457.150)	(473.457.150)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.06	-	17.000.000
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.07	<b>30.817.400.003</b>	<b>30.484.591.734</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251		2.417.400.000	2.584.591.731
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			0
3	Đầu tư dài hạn khác	258		28.400.000.003	27.900.000.003
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>137.427.768</b>	<b>247.945.680</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	137.427.768	247.945.680
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>194.910.964.928</b>	<b>189.557.850.948</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>145.326.029.096</b>	<b>140.389.501.296</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>144.648.261.777</b>	<b>136.163.913.678</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	6.253.572.000	2.492.624.472
2	Phải trả người bán	312		58.384.654.388	49.452.865.339
3	Người mua trả tiền trước	313		21.981.749.530	22.905.068.757
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	9.212.915.950	3.324.561.123
5	Phải trả người lao động	315		27.950.078.235	28.807.692.107
6	Chi phí phải trả	316	V.11	753.320.227	8.968.772.395
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	19.213.717.002	18.947.142.330
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		898.254.445	1.265.187.155
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>677.767.319</b>	<b>4.225.587.618</b>
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	207.730.000	1.864.109.000
5	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	2.361.478.618
6	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		470.037.319	0
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>49.584.935.832</b>	<b>49.168.349.652</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>49.584.935.832</b>	<b>49.168.349.652</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	21.750.000.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.502.618.712	11.876.276.463
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(620.000)	(620.000)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		8.461.900.157	7.945.614.691
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		2.232.483.904	1.964.546.798
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.291.453.059	5.632.531.700
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			<b>0</b>
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>194.910.964.928</b>	<b>189.557.850.948</b>

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	103.290.962.004	110.214.255.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16	224.052.227	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	103.066.909.777	110.214.255.267
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.8	87.691.177.982	90.720.634.372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.375.731.795	19.493.620.895
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	61.456.373	521.083.801
7. Chi phí tài chính	22	VI.120	2.040.361.139	1.826.873.683
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.886.423.774</i>	<i>1.767.944.823</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.678.715.879	10.822.404.938
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.718.111.150	7.368.426.075
11. Thu nhập khác	31	VI.21	5.445.159.267	4.774.486.312
12. Chi phí khác	32	VI.22	2.619.357.871	4.742.165.998
13. Lợi nhuận khác	40		2.825.801.396	32.320.314
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.543.912.546	7.400.746.389
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	2.252.459.487	1.768.326.289
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.291.453.059	5.632.420.100
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.24	1.685	2.590



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		77.421.856.296	99.615.166.915
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(9.373.923.334)	(9.900.466.237)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(35.480.144.272)	(43.474.244.454)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(1.886.423.774)	(1.367.982.092)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(569.869.642)	(2.008.757.657)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		122.660.453	2.579.374.030
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(29.491.258.041)	(48.760.947.813)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>742.897.686</b>	<b>(3.317.857.308)</b>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.033.163.635)	(1.099.978.429)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		185.840.000	55.973.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.034.044.240)	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		61.456.373	524.083.801
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.819.911.502)</b>	<b>(519.921.446)</b>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.462.654.000	15.058.846.159
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.358.085.472)	(8.788.460.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.824.176.320)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.104.568.528</b>	<b>2.446.209.839</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	<b>50</b>		<b>(4.972.445.288)</b>	<b>(1.391.568.915)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	<b>60</b>		<b>9.321.322.900</b>	<b>10.712.891.815</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<b>70</b>		<b>4.348.877.612</b>	<b>9.321.322.900</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105454 đăng ký lần đầu ngày 23/02/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 11 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 11 vào ngày 19/09/2012. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: **26.097.100.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ không trăm bảy mươi triệu một trăm nghìn đồng).**

Cơ cấu vốn điều lệ:	Tỷ lệ	Thành tiền
Tổng công ty Sông Đà	51%	13.309.521.000 đồng
Vốn góp của các cổ đông khác	49%	12.787.579.000 đồng

Công ty có trụ sở tại: G9, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

### 2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị cơ khí trong công trình, lĩnh vực: lắp thiết bị công trình; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, công trình ngầm và mỏ; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thuỷ lợi, thuỷ điện; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị đến nhóm A (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh); Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân; Khoan nổ ngầm và hớ các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thuỷ lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán điện thương phẩm; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thuỷ lợi, công trình hạ tầng đô thị; Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình thuỷ lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến thế tới cấp điện áp đến 500KV; Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông công trình thuỷ lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ; Thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ; Thiết kế công trình thuỷ lợi; Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp; Xác định hiện trạng và đánh giá nguyên nhân sự cố các công trình xây dựng, khoan phun và xử lý nền móng các công trình xây dựng; Trang trí nội thất; Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Tư vấn hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thiết kế điện

công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kết cấu đối với: công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị; Thiết kế nhà máy thủy điện; Thiết kế các công trình thủy công, thủy điện; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với: công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thí nghiệm để xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, nền móng và vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn các công trình; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất nước đá; Kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết đóng chai, nước khoáng phục vụ sinh hoạt và công nghiệp; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt (chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông và thạch cao; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại.

#### **Công ty có 08 Chi nhánh trực thuộc:**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà, địa chỉ: Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng, địa chỉ: Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Tư vấn 3, địa chỉ: Tầng 5, nhà G9, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Tư vấn 2 - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Tầng 4, Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Tư vấn 1 - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Cơ điện - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Dân dụng và Công nghiệp - Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà, địa chỉ: Nhà G9, 495 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Chi nhánh Tây Bắc, địa chỉ: Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ)

## **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

## **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

## **3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:**

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **IV. Các Chính sách kế toán áp dụng**

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:**

#### **- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

#### **- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

### **2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**

#### **- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

- Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

- Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

✚ Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do không đúng quy cách, phẩm chất;

✚ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;

✚ Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;

✚ Chi phí bán hàng;

✚ Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác:**

- **Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính.

### **4. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định:**

- **Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được hạch toán theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- **Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại TSCĐ</b>	<b>Thời gian sử dụng</b>
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 năm

### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty con: Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada ; đầu tư vào dài hạn khác: Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà.

### **6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**

#### ***- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:***

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### ***- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:***

- Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư XD CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.
- Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư XD CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.

#### ***- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:***

- Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức và phương pháp phân bổ hợp lý.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

### **9. Các nghĩa vụ về thuế:**

- ***Thuế thu nhập giá trị gia tăng:***

Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế thành phố Hà Nội . Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định của luật thuế hiện hành.

- ***Các loại thuế khác:***

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu và các quỹ:**

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm: doanh thu từ công trình xây dựng và doanh thu hoạt động tài chính.

- ***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

**- Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**- Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể :

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).
- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ, tỷ lệ doanh thu ghi nhận trong kỳ với sản lượng dở dang đầu kỳ cộng sản lượng thực hiện trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: đồng*

**1. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền mặt</b>	<b>178,026,848</b>	<b>36,730,108</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	168,990,289	31,166,822
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	4,175,628	4,216,455
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	4,860,931	1,346,831
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>4,170,850,764</b>	<b>9,284,592,792</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	3,423,344,228	7,801,000,633
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	747,506,536	1,483,592,159
<b>Cộng</b>	<b><u>4,348,877,612</u></b>	<b><u>9,321,322,900</u></b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	59,423,771,020	60,714,569,275
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	21,215,507,731	19,196,487,335
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	28,155,487,077	28,244,551,353
<b>Cộng</b>	<b><u>108,794,765,828</u></b>	<b><u>108,155,607,963</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	703,435,001	843,533,825
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	136,482,000	78,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>839,917,001</u></b>	<b><u>921,533,825</u></b>

<b>4. Phải thu khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	9,850,559,687	3,241,613,040
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	298,585,708	277,295,077
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	98,233,856	61,169,131
<b>Cộng</b>	<b>10,247,379,251</b>	<b>3,580,077,248</b>
<b>5. Dự phòng phải thu khó đòi</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	477,039,104	-
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	465,040,356	51,635,975
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	132,195,785	132,195,785
<b>Cộng</b>	<b>1,074,275,245</b>	<b>183,831,760</b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	8,382,203	11,745,084
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32,148,648,303	29,465,160,211
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>32,157,030,506</b>	<b>29,476,905,295</b>
<b>7. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tạm ứng</b>	<b>5,268,508,049</b>	<b>3,943,810,301</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	3,904,877,199	3,031,822,448
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	292,978,611	353,153,028
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	1,070,652,239	558,834,825
<i>Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>787,726,117</i>	<i>776,836,832</i>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	787,726,117	776,836,832
<b>Cộng</b>	<b>6,056,234,166</b>	<b>4,720,647,133</b>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình <phụ lục 01>

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hoá	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>396,300,864</i>	<i>77,156,286</i>	<i>473,457,150</i>
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>396,300,864</i>	<i>77,156,286</i>	<i>473,457,150</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>396,300,864</i>	<i>77,156,286</i>	<i>473,457,150</i>
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>396,300,864</i>	<i>77,156,286</i>	<i>473,457,150</i>
<b>Giá trị còn lại</b>			
<i>Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-
<i>Tại ngày cuối năm</i>	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	<i>17,000,000</i>
Máy móc thiết bị thí nghiệm & các loại tài sản khác	-	17,000,000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b><i>17,000,000</i></b>

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam Canada	2,417,400,000	2,584,591,731
<b>Cộng</b>	<b><i>2,417,400,000</i></b>	<b><i>2,584,591,731</i></b>

**12. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng	2,400,000,000	2,400,000,000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	24,000,000,000	24,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1,500,000,003	1,500,000,003
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	500,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>28,400,000,003</u></b>	<b><u>27,900,000,003</u></b>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	121,750,495	213,617,499
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	15,677,273	34,328,181
<b>Cộng</b>	<b><u>137,427,768</u></b>	<b><u>247,945,680</u></b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>6,253,572,000</b>	<b>2,492,624,472</b>
<i>Ngân hàng Công thương Thanh xuân</i>	<i>6,091,572,000</i>	<i>2,492,624,472</i>
<i>Vay vốn các cá nhân</i>	<i>162,000,000</i>	-
Dương Phương Nhung	35,000,000	-
Phạm Thị Hoa	57,000,000	-
Bùi Thị Hồng Thuận (QLKT)	70,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6,253,572,000</u></b>	<b><u>2,492,624,472</u></b>

Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Thanh Xuân được thể hiện theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn, cụ thể:

<u>Diễn giải</u>	<u>Nợ gốc còn lại (đ)</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Hạn trả</u>
Hợp đồng 01/2012/HĐTĐ -NH/TVSD ngày 26/04/2012	6,091,572,000	14%/ năm	03/06/2013
<b>Cộng</b>	<b><u>6,091,572,000</u></b>		

Tài sản thế chấp của các hợp đồng tín dụng ngắn hạn trên là vay tín chấp và thế chấp doanh thu từ các công trình. Biện pháp bổ sung tài sản thế chấp số đồ nhà G9.

Vay ngắn hạn các cá nhân được thể hiện theo từng hợp đồng tín dụng, lãi suất được xác định theo từng thời kỳ và tài sản thế chấp là tín chấp.

**15. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	51,872,448,987	43,331,738,782
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	1,426,303,004	1,653,123,754
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	5,085,902,397	4,468,002,803
<b>Cộng</b>	<b><u>58,384,654,388</u></b>	<b><u>49,452,865,339</u></b>

**16. Ngòi mua trả trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	16,212,496,904	15,864,544,092
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	2,901,556,305	3,166,864,272
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	2,867,696,321	3,873,660,393
<b>Cộng</b>	<b><u>21,981,749,530</u></b>	<b><u>22,905,068,757</u></b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	4,651,992,135	2,630,940,698
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,156,100,157	569,869,642
Thuế thu nhập cá nhân	461,008,084	123,750,783
Các loại thuế khác	1,943,815,574	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9,212,915,950</u></b>	<b><u>3,324,561,123</u></b>

**18. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	10,495,322,479	13,785,143,056
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	11,690,159,329	9,641,639,992
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	5,764,596,427	5,380,909,059
<b>Cộng</b>	<b><u>27,950,078,235</u></b>	<b><u>28,807,692,107</u></b>

**19. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	159,513,004	8,968,772,395
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	593,807,223	-
<b>Cộng</b>	<b><u>753,320,227</u></b>	<b><u>8,968,772,395</u></b>

**20. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Kinh phí công đoàn</b>	<b>1,206,433,142</b>	<b>1,469,219,932</b>
<b>Bảo hiểm xã hội</b>	<b>1,467,961,718</b>	<b>502,984,482</b>
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>	<b>16,368,645,039</b>	<b>16,945,786,890</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	13,097,395,825	14,849,682,503
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	660,626,513	118,707,132
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	2,610,622,701	1,977,397,255
<b>Bảo hiểm thất nghiệp</b>	<b>170,677,103</b>	<b>29,151,026</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>19,213,717,002</u></b>	<b><u>18,947,142,330</u></b>

**21. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>207,730,000</b>	<b>1,864,109,000</b>
Ngân hàng Công thương Thanh xuân	207,730,000	1,864,109,000
<b>Cộng</b>	<b><u>207,730,000</u></b>	<b><u>1,864,109,000</u></b>

Vay dài hạn Ngân hàng Công thương Thanh Xuân được thể hiện theo từng hợp đồng tín dụng dài hạn, cụ thể:

<u>Diễn giải</u>	<u>Nợ gốc còn lại (đ)</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Hạn trả</u>
Hợp đồng số 01/2010/HỆTDTL/TVSĐ ngày 30/3/2010	207,730,000	14,5%/ năm	02/04/2013
<b>Cộng</b>	<b><u>207,730,000</u></b>		

Tài sản thế chấp của hợp đồng tín dụng là xe ô tô Camry.

**22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <phụ lục 02>**

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà	51%	13,309,520,000	11,092,500,000
Cổ đông khác	49%	12,787,580,000	10,657,500,000
<b>Cộng</b>		<b><u>26,097,100,000</u></b>	<b><u>21,750,000,000</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	21,750,000,000	21,750,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	4,347,100,000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	26,097,100,000	21,750,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2,609,710	2,175,000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	2,609,710	2,175,000
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	<i>2,609,710</i>	<i>2,175,000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	<i>62</i>	<i>62</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	2,609,648	2,174,938
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	<i>2,609,648</i>	<i>2,174,938</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu</b>		

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	8,461,900,157	7,945,614,691
Quỹ dự phòng tài chính	2,232,483,904	1,964,546,798
<b>Cộng</b>	<b><u>10,694,384,061</u></b>	<b><u>9,910,161,489</u></b>

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103,290,962,004	110,214,255,267
<b>Cộng</b>	<b><u><u>103,290,962,004</u></u></b>	<b><u><u>110,214,255,267</u></u></b>

24. Các khoản giảm trừ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	224,052,227	-
<b>Cộng</b>	<b><u><u>224,052,227</u></u></b>	<b><u><u>-</u></u></b>

25. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103,066,909,777	110,214,255,267
<b>Cộng</b>	<b><u><u>103,066,909,777</u></u></b>	<b><u><u>110,214,255,267</u></u></b>

26. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	87,691,177,982	90,720,634,372
<b>Cộng</b>	<b><u><u>87,691,177,982</u></u></b>	<b><u><u>90,720,634,372</u></u></b>

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	61,456,373	524,083,801
<b>Cộng</b>	<b><u><u>61,456,373</u></u></b>	<b><u><u>524,083,801</u></u></b>



**28. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1,886,423,774	1,767,944,823
Chi phí tài chính khác	153,937,365	58,928,860
<b>Cộng</b>	<b><u>2,040,361,139</u></b>	<b><u>1,826,873,683</u></b>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	4,087,926,127	5,464,562,530
Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	3,532,020,378	3,052,213,453
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	2,058,769,374	2,305,628,955
<b>Cộng</b>	<b><u>9,678,715,879</u></b>	<b><u>10,822,404,938</u></b>

**30. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền đào tạo	43,527,403	25,890,047
Thu nhập khác	27,840,975	-
Phụ phí các đơn vị trực thuộc	5,373,590,889	-
Thu thanh lý tài sản cố định	200,000	5,973,182
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	-	91,699,615
Nhượng bán nhà máy nước	-	4,650,923,468
<b>Cộng</b>	<b><u>5,445,159,267</u></b>	<b><u>4,774,486,312</u></b>

**31. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	531,960,000	115,300,000
Chi phạt chậm nộp thuế	2,077,397,871	-
Chi phí khác	10,000,000	-
Giá trị còn lại của nhà máy nước	-	4,625,104,893
Chi phí tải sản cố định khác	-	1,761,105
<b>Cộng</b>	<b><u>2,619,357,871</u></b>	<b><u>4,742,165,998</u></b>

### 32. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,543,912,546	7,400,746,389
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(2,860,179,571)	(327,441,234)
<i>Điều chỉnh tăng</i>	2,625,844,557	15,400,000
<i>Điều chỉnh giảm</i>	5,486,024,128	342,841,234
Tổng lợi nhuận chịu thuế	3,683,732,975	7,073,305,155
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	920,933,244	1,768,326,289
Số điều chỉnh giảm thuế TNDN	-	-
Số thuế TNDN còn phải nộp theo Biên bản quyết toán thuế	1,331,526,243	-
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>2,252,459,487</b>	<b>1,768,326,289</b>

### 33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4,291,453,059	5,632,420,100
Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	2,174,938	2,174,938
Số cổ phiếu phát hành thêm (bắt đầu lưu hành từ 23/02/2012)	434,710	-
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	2,546,526	2,174,938
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,685</b>	<b>2,590</b>

#### Những thông tin khác

#### 1. Công cụ tài chính

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ trừ đi cổ phiếu quỹ.

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
Tiền và tương đương tiền	4,348,877,612	4,348,877,612
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	119,882,062,080	118,807,786,835

##### Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	<b>Số dư ngày</b>
	<b>31/12/2012</b>
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	6,461,302,000
Phải trả người bán	58,384,654,388

### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tong lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của công ty tại ngày 31/12/2012:

<b>Đối tượng</b>	<b>Dưới 01 năm</b>	<b>Từ 01 đến 05 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải trả người bán	58,384,654,388	-	<b>58,384,654,388</b>
Vay ngắn hạn	6,253,572,000	-	<b>6,253,572,000</b>
Vay dài hạn	-	207,730,000	<b>207,730,000</b>

### **Tài sản đảm bảo**

Xem chi tiết phần thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn.

#### **2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

<b>Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được</b>	<b>Năm nay</b>
Vay ngân hàng trả lương cho người lao động	377,900,000

Thu lãi tiền cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia của Công ty là khoản lãi của tiền gửi ngân hàng.

#### **3. Phân tích sơ bộ một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty:**

### **Số dư giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Số cuối năm</b>
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>28,391,901</b>
Trả trước cho người bán	28,391,901
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam Canada	28,391,901
	<b>Năm nay</b>
<b>Mua hàng</b>	<b>63,657,656</b>
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam Canada	63,657,656

## Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	82.79	82.29
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	17.21	17.71
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	74.56	74.06
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	25.44	25.94
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1.34	1.35
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1.12	1.15
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.03	0.07
		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	6.34	6.71
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	4.15	5.11
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3.36	3.90
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2.20	2.97
<b>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH</b>	%	8.65	11.46

## Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K.

## Thông tin khác

Quyết toán thuế Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các Quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau, vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quy định của Cơ quan thuế.

**Phu lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
<b>I Nguyên giá TSCĐ</b>					
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>5,788,013,550</b>	<b>11,481,515,592</b>	<b>8,511,232,692</b>	<b>491,872,903</b>	<b>26,272,634,737</b>
2 Số tăng trong năm	-	890,672,726	-	11,363,636	902,036,362
- Xây dựng mới Mua sắm mới	-	890,672,726	-	11,363,636	902,036,362
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3 Số giảm trong năm	-	345,924,663	126,602,207	64,715,858	537,242,728
- Thanh lý	-	345,924,663	126,602,207	64,715,858	537,242,728
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>4 Số cuối năm</b>	<b>5,788,013,550</b>	<b>12,026,263,655</b>	<b>8,384,630,485</b>	<b>438,520,681</b>	<b>26,637,428,371</b>
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1 Số đầu năm</b>	<b>5,788,013,550</b>	<b>9,560,131,322</b>	<b>7,679,913,960</b>	<b>428,524,975</b>	<b>23,456,583,807</b>
2 Khấu hao trong năm	-	903,764,789	179,356,996	48,757,469	1,131,879,254
- Trích trong năm	-	903,764,789	179,356,996	48,757,469	1,131,879,254
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3 Giảm trong năm	-	345,924,663	126,602,207	64,715,858	537,242,728
- Thanh lý	-	345,924,663	126,602,207	64,715,858	537,242,728
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>4 Số cuối năm</b>	<b>5,788,013,550</b>	<b>10,117,971,448</b>	<b>7,732,668,749</b>	<b>412,566,586</b>	<b>24,051,220,333</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>					
<b>1 Tại ngày đầu năm</b>	-	<b>1,921,384,270</b>	<b>831,318,732</b>	<b>63,347,928</b>	<b>2,816,050,930</b>
<b>2 Tại ngày cuối năm</b>	-	<b>1,908,292,207</b>	<b>651,961,736</b>	<b>25,954,095</b>	<b>2,586,208,038</b>

**Phu lục số 02: Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm trước</b>							
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>21,750,000,000</b>	<b>8,502,618,712</b>	<b>(620,000)</b>	<b>8,293,419,431</b>	<b>1,476,505,990</b>	<b>9,760,816,165</b>	<b>49,782,740,298</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	3,373,657,751	-	-	-	-	3,373,657,751
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	5,632,420,100	5,632,420,100
- Tăng khác	-	-	-	3,025,853,011	488,040,808	111,600	3,514,005,419
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(3,373,657,751)	-	(9,760,816,165)	(13,134,473,916)
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>21,750,000,000</b>	<b>11,876,276,463</b>	<b>(620,000)</b>	<b>7,945,614,691</b>	<b>1,964,546,798</b>	<b>5,632,531,700</b>	<b>49,168,349,652</b>
<b>Năm nay</b>							
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>21,750,000,000</b>	<b>11,876,276,463</b>	<b>(620,000)</b>	<b>7,945,614,691</b>	<b>1,964,546,798</b>	<b>5,632,531,700</b>	<b>49,168,349,652</b>
- Tăng vốn trong năm nay	4,347,100,000	-	-	-	-	-	4,347,100,000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	4,291,453,059	4,291,453,059
- Tăng khác	-	-	-	4,863,385,466	267,937,106	-	5,131,322,572
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (phân phối LN)	-	(3,373,657,751)	-	(4,347,100,000)	-	(5,632,531,700)	(13,353,289,451)
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>26,097,100,000</b>	<b>8,502,618,712</b>	<b>(620,000)</b>	<b>8,461,900,157</b>	<b>2,232,483,904</b>	<b>4,291,453,059</b>	<b>49,584,935,832</b>
	-	-	-	-	-	4,291,453,059	49,584,935,832

## VII. THÔNG TIN KHÁC

**Số liệu so sánh:** Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2012 là số liệu tại ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán.

## VIII. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### A - Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội địa chỉ tại số 3 ngõ 1295 đường Giải phóng- Hoàng Liệt — Hoàng Mai - Hà Nội. Kiểm toán viên chính thức là Ông Lê Văn Dò chứng chỉ kiểm toán viên số 0231/KTV và ông Nguyễn Ngọc Tĩnh chứng chỉ kiểm toán viên số 0132/KTV được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà

Ý kiến của kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của công ty tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của công ty cho năm tài chính 2012.

Phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC”

**B - Kiểm toán nội bộ:** Đơn vị chưa có bộ phận kiểm toán nội bộ chúng tôi thay bằng ý kiến của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của công ty:

### C - Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát công ty

#### 1. Nhận xét

- Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành Công ty đã hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, định hướng phát triển của Công ty, tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp và điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Ban giám đốc điều hành đã triển khai các Nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty một cách đầy đủ và kịp thời, điều hành hoạt động SXKD đạt hiệu quả, hoàn thành mức các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội đồng cổ đông thông qua như trên.
- Công ty đã ban hành tương đối đầy đủ hệ thống các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý điều hành.
- Trong năm 2012, Ban giám đốc điều hành công ty đã đẩy mạnh thu vốn và áp dụng mọi biện pháp để tiết kiệm chi phí, cộng với sự cạnh tranh gay gắt với các đơn vị tư vấn trong, ngoài ngành, đã khiến Công ty phải giảm giá Hợp đồng rất nhiều mới có thể tìm kiếm được công việc, thất chặt tín dụng của Chính phủ

nên một số công trình lớn do chủ đầu tư dừng hoặc không vay được vốn nên sản lượng, doanh thu không đạt kế hoạch: hoàn thành 88% sản lượng; 91% doanh thu so với kế hoạch.

- Các khoản phải thu của khách hàng còn quá lớn, Công ty phải vay ngân hàng để đảm bảo sản xuất kinh doanh và trả lương người lao động dẫn đến giá trị dở dang lớn, chi phí nhân công, chi phí tiếp thị đấu thầu, chi phí lãi vay tăng cao (riêng chi phí này đã làm lợi nhuận của Công ty giảm 1,8 tỷ đồng), kéo theo đó là những khó khăn trong việc cân đối tài chính và triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty nên tổng giá trị lợi nhuận toàn Công ty chỉ đạt: 6,5 tỷ đồng bằng 77% kế hoạch năm.

## **2. Kiến nghị**

- Việc đầu tư nâng cao năng lực cần phải cân nhắc để đem lại hiệu quả cao nhất. Đồng thời Công ty thường xuyên theo dõi, đôn đốc tăng cường thu hồi công nợ để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh giảm chi phí lãi vay vốn lưu động, tăng hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, duy trì thường xuyên công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh để phát hiện những tồn tại trong công tác điều hành sản xuất và quản lý tài chính của Công ty để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Có kế hoạch đào tạo cụ thể dưới các hình thức tự mở lớp hoặc cử cán bộ đi học các lớp nâng cao nghiệp vụ trong nước về cả ngoại ngữ và chuyên môn, tăng cường đào tạo tại chỗ qua việc khuyến khích những cán bộ có năng lực, giàu kinh nghiệm nhận kèm cặp các nhân viên mới để dần dần chủ động đáp ứng nguồn nhân lực, phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn của Công ty.

- Chế độ tiền lương phải ỏp dụng khoa học sao cho khuyến khích những người có năng lực thực sự để họ gắn bó lâu dài với công ty tránh tình trạng đã và đang chảy máu chất xám.

- Tiếp tục xem xét việc định biên lực lượng gián tiếp và bố trí nhân lực tại các vị trí sản xuất đảm bảo phát huy tối đa năng lực, trình độ của từng CBCNV. Luôn quan tâm đến các chế độ chính sách, đời sống liên quan đến người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và ngày càng gắn bó với Công ty.

- Thường xuyên xem xét việc thực hiện các quy chế đã được ban hành, tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của Đơn vị.



## V - CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

- Công ty con: Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Nam - Cadada: Chiếm 51% VĐL

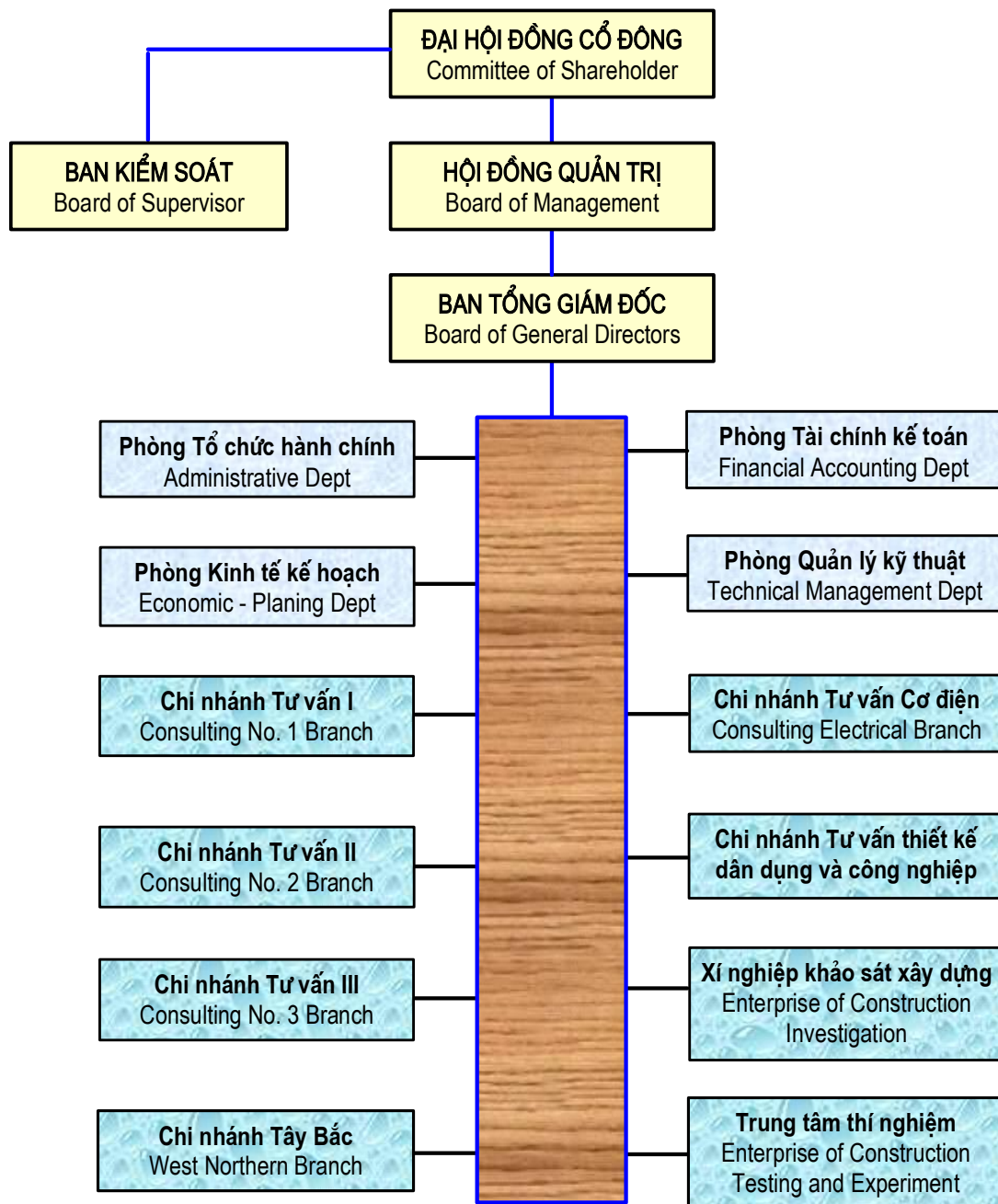
- Công ty liên kết: Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Sông Đà: Chiếm 15% VĐL

Công ty cổ phần Thủy điện Đắk Đoa: Chiếm 32% VĐL

Công ty cổ phần phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà:  
Chiếm 20% VĐL

## VI - TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức của công ty



## 2 - Số lượng CBNV đến thời điểm 31/12/2012 là 495 người trong đó:

Trên Đại học:	14 người	Sơ cấp:	8 người
Đại học:	279 người	Công nhân kỹ thuật:	70 người
Cao đẳng:	20 người	Lao động phổ thông:	39 người
Trung cấp:	48 người		

Các chính sách với người lao động:

- Nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp thông qua các lớp học bồi dưỡng tại chỗ. Tích cực triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chủ nhiệm đề án, chủ trì bộ môn, nhất là đối với đội ngũ cán bộ kỹ thuật trẻ có năng lực thông qua các hình thức: làm việc và học tập ở nước ngoài.
- Chú trọng giáo dục ý thức, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, đảm bảo cho Công ty có một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, tâm huyết với công việc, gắn bó với Công ty.
- Nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân thí nghiệm, khảo sát để đảm nhiệm được các nhiệm vụ khó khăn, phức tạp
- Tạo môi trường làm việc thuận lợi, hấp dẫn tại Công ty thông qua việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, cơ chế đào tạo, thu nhập, an toàn lao động cho người lao động và thiết bị xe máy, v.v... Đa dạng hóa các hình thức khen thưởng, xây dựng cơ chế thưởng hợp lý, hiệu quả nhằm động viên, khuyến khích CBCNV nhiệt tình công tác và tăng năng suất lao động.

## VII - TÓM TẮT THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA BAN GIÁM ĐỐC

<b>1- Họ và tên</b>	<b>: PHẠM VĂN HÙNG</b>
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 06/08/1960
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ thường trú	: P.203 H1, Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
Trình độ văn hoá	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Thủy lợi.
Chức vụ hiện nay	: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn Sông Đà
Số cổ phần nắm giữ	: 8.743 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không.

**2- Họ và tên** : **NGUYỄN ĐẠI THỤ**  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 19/01/1975  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Xã Gia Khánh - Huyện Gia Lộc - Tỉnh Hải Dương  
Địa chỉ thường trú : 50 ngách 310/90 đường Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, thạc sỹ kỹ thuật  
Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn Sông Đà  
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 2.209 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)  
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không.  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

**3- Họ và tên** : **ĐỖ DUY THÁP**  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 04/02/1963  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Xã Nam Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định  
Địa chỉ thường trú : Số 14 N4 - Ngõ 90 - Đường Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Tp Hà Nội.  
Trình độ văn hoá : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thuỷ lợi  
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà.  
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 7.347 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần )  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

**4 - Họ và tên** : **ĐỖ SƠN HẢI**  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 02/07/1959  
Quê quán : Xã Tĩnh Cương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.  
Địa chỉ thường trú : 404 H1, P.Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội.  
Trình độ văn hoá : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Máy mỏ  
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà.

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 10.479 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

**5 - Họ và tên : Phạm Văn Tích**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/08/1960

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ thường trú : Tổ 1, Phường Tân Thịnh, Thị xã Hoà Bình, HB

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thuỷ lợi.

Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 4.593 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

**6 - Họ và tên : LÊ THỊ THIÊN KIM**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 21/8/1963

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Phù Vân - Kim Bảng - Hà Nam.

Địa chỉ thường trú : D4 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội.

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Chức vụ hiện nay: Phó tổng giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty

Số cổ phần nắm giữ : 51 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

**7 - Họ và tên : ĐINH THỊ NỞ**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 21/01/1958

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Khánh Cư, Yên Khánh, Ninh Bình

Địa chỉ thường trú : 10B ngõ 7 Ao Sen, Mộ Lao, Hà Đông — Hà Nội.

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán  
Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng Công ty  
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 17.478 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)  
Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

## VIII - THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

### A - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**1 - Họ và tên : TRỊNH VĂN THỚI**

Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 17/9/1957  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá  
Địa chỉ thường trú : 17 T8 - Trung Hoà - Nhân Chính - Hà Nội  
Trình độ văn hoá : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà.

Số cổ phần nắm giữ : 1.331.100 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

**Trong đó:** + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần  
+ Đại diện phần vốn Nhà nước: 1.331.100 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

**2 - Họ và tên : PHẠM VĂN HÙNG**

Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 06/08/1960  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.  
Địa chỉ thường trú : P.203 H1, Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.  
Trình độ văn hoá : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thuỷ lợi.

Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị -Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn Sông Đà

Số cổ phần nắm giữ : 8.743 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

**3 - Họ và tên** : **NGUYỄN VĂN THẮNG**  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 25/11/1969  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Nam Thanh - Nam Trực - Nam Định  
Địa chỉ thường trú : Xã Kiến Hưng, Tp. Hà Đông, tỉnh Hà Tây  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Kế toán  
Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà.

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

**4 - Họ và tên** : **NGUYỄN ĐẠI THỤ**

Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 19/01/1975  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Xã Gia Khánh - Huyện Gia Lộc - Tỉnh Hải Dương  
Địa chỉ thường trú : 50 ngách 310/90 đường Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, thạc sỹ kỹ thuật  
Chức vụ hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn Sông Đà

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 2.209 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/ cổ phần)

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

**5 - Họ và tên** : **PHẠM ANH ĐỨC**

Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 24/05/1970  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Xã Gia Tân, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình  
Địa chỉ thường trú : 1906 - 34T Trung Hoà, Nhân chính, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ thông tin  
Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn Sông  
Đà.

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 327.468 cổ phần  
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: 23.055 cổ phần  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

## **B – BAN KIỂM SOÁT**

**1 - Họ và tên : NGUYỄN MINH TIẾN**  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 10/06/1958  
Số CMND/Hộ chiếu : 110316037 Cấp ngày 07/8/1993  
Nơi cấp : CA.Hoà Bình  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Xã Đình Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam  
Địa chỉ thường trú : Số 2 Ngõ 7 Ao Sen, Thị xã Hà Đông, T Hà Tây  
Số điện thoại liên lạc : 0913 224 239  
Trình độ văn hoá : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán  
Chức vụ hiện nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà.  
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần  
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

**2 - Họ và tên : NGUYỄN THỊ LỢI**  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 08/04/1958  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Đông La, Hoài Đức, Hà Nội  
Địa chỉ thường trú : Phòng A602, nhà B24; TT Kim Liên, Đống Đa, HN  
Trình độ văn hoá : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát - Phó phòng Kinh tế kế  
hoạch, Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà.  
Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 480 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

**3 - Họ và tên** : NGUYỄN QUỲNH TRANG

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 05/09/1982

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hà Nội

Địa chỉ thường trú : 37 Phố Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà.

Số cổ phần cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần của Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không.

#### **IX - Thông tin về cổ đông: Tính đến thời điểm 28/03/2013**

- Cổ đông sáng lập: Tổng công ty Sông Đà 1.331.100 cổ phần giữ 51% VĐL
- Các cổ đông nước ngoài 214.841 cổ phần giữ 8,20% VĐL
- Cổ đông lớn: Phạm Anh Đức - TV HĐQT 327.468 cổ phần giữ 12,5% VĐL
- Các cá nhân khác 736.239 cổ phần giữ 28,3% VĐL

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2012, Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà báo cáo với UBCK Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà Đầu tư./.

#### ***Nơi gửi:***

- UBCKNN;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu TCK.

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**PHẠM VĂN HÙNG**